**TÓM TẮT NGHỊ QUYẾT 03-HĐND TỈNH**

**QUY ĐỊNH**

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP TỈNH TRÀ VINH GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
*(Kèm theo Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)*

**Chương II**

**CÁC CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

**Điều 5. Chính sách hỗ trợ quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP)**

1. Danh mục sản phẩm được hỗ trợ

a) Sản phẩm trồng trọt: Rau, nấm ăn, cây ăn quả, dừa, lúa, đậu phộng.

b) Sản phẩm chăn nuôi: Heo, bò, dê, gà, vịt.

c) Sản phẩm thủy sản: Tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh, cá tra, cua biển, nghêu.

d) Sản phẩm tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều này phải nằm trong danh mục được phép trồng trọt, chăn nuôi do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Quy mô cơ sở được hỗ trợ (tính trên một cơ sở)

a) Trồng rau

- Tổng diện tích trồng rau từ 0,2 ha trở lên, nếu trồng nhiều loại rau thì diện tích mỗi loại rau ít nhất 0,1 ha trở lên.

- Diện tích trồng rau nhà lưới từ 0,1 ha trở lên.

- Diện tích trồng rau thủy canh từ 0,05 ha trở lên.

b) Trồng nấm ăn: Sản lượng đạt từ 04 tấn/năm trở lên.

c) Trồng cây ăn quả, cây dừa, đậu phộng: Tổng diện tích từ 2,0 ha trở lên, nếu trồng nhiều loại cây ăn quả thì diện tích mỗi loại cây ăn quả ít nhất 0,5 ha trở lên.

d) Trồng lúa: Diện tích từ 50 ha trở lên.

đ) Chăn nuôi: Chăn nuôi thường xuyên từ 30 đơn vị vật nuôi trở lên.

e) Nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh.

- Tổng diện tích mặt nước các ao nuôi từ 0,5 ha trở lên.

- Tổng diện tích các ao nuôi tôm thâm canh mật độ cao từ 0,3 ha trở lên.

g) Nuôi cá tra: Tổng diện tích mặt nước các ao nuôi cá tra từ 2,0 ha trở lên.

h) Nuôi cua biển

- Tổng diện tích mặt nước các ao nuôi cua biển quảng canh từ 1,5 ha trở lên.

- Tổng diện tích mặt nước các ao nuôi cua biển thâm canh từ 0,5 ha trở lên.

i) Nuôi nghêu: Diện tích vùng nuôi từ 40 ha trở lên.

k) Sơ chế sản phẩm rau: Công suất từ 150 tấn/năm trở lên.

l) Sơ chế sản phẩm quả: Công suất từ 200 tấn/năm trở lên.

m) Sơ chế sản phẩm thủy sản: Công suất từ 250 tấn/năm trở lên.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ cho cơ sở một lần tại chu kỳ sản xuất đầu tiên áp dụng VietGAP hoặc chu kỳ tái sản xuất đối với những cơ sở đã được chứng nhận áp dụng VietGAP nhưng chưa được hưởng chính sách hỗ trợ.

a) Hỗ trợ 100% kinh phí xác định vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất theo VietGAP: Điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí do cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không quá 20.000.000 đồng/cơ sở.

b) Hỗ trợ 100% kinh phí để thuê tư vấn kỹ thuật, đào tạo, tập huấn cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, người lao động tại cơ sở sản xuất áp dụng VietGAP, nhưng không quá 40.000.000 đồng/cơ sở.

c) Hỗ trợ 100% kinh phí để thuê tổ chức đánh giá, chứng nhận VietGAP lần đầu hoặc cấp lại đối với các cơ sở chưa được hỗ trợ, nhưng không quá 100.000.000 đồng/cơ sở. Những lần tiếp theo được hỗ trợ 50% nhưng không quá 50.000.000 đồng/cơ sở.

d) Hỗ trợ kinh phí (đào tạo, tư vấn, đánh giá, chứng nhận) để xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo GMP, SSOP, HACCP hoặc hệ thống khác tương đương còn hiệu lực. Mức hỗ trợ theo điểm 3 khoản 6 Điều 1 của Nghị quyết số 80/2019/NQ-HĐND ngày 14 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

đ) Hỗ trợ 50% kinh phí mua máy móc và trang thiết bị,... để xây dụng và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng theo GMP, SSOP, HACCP hoặc hệ thống khác tương đương còn hiệu lực. Tổng kinh phí hỗ trợ không quá 300.000.000 đồng/cơ sở.

e) Sản phẩm trồng trọt

- Hỗ trợ kinh phí mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tính theo giá thời điểm sản xuất. Mức hỗ trợ: 50% năm đầu và 30% năm thứ hai đối với cây ăn quả và cay dừa.

- Hỗ trợ kinh phí mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật tính theo giá thời điểm sản xuất cho một vụ trồng mới (cho một chu kỳ sản xuất) đối với sản phẩm trồng trọt khác.

- Trường hợp sản xuất lúa giảm phát thải khí nhà kính theo phương pháp ngập khô sen kẽ và sử dụng phân bón thông minh hỗ trợ 50% kinh phí mua phân bón thông minh, nhưng không quá 5.000.000 đồng/1,0 ha.

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà lưới, xây dựng hệ thống thủy canh đáp ứng theo yêu cầu VietGAP theo điểm a khoản 2 Điều 7 của Quy định này.

- Hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số [98/2019/NQ-HĐND](https://thukyluat.vn/vb/nghi-quyet-98-2019-nq-hdnd-ho-tro-phat-trien-thuy-loi-nho-tuoi-tien-tien-tiet-kiem-nuoc-tra-vinh-6a126.html) ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

- Hỗ trợ 50% kinh phí mua máy bơm tự động và thiết bị cảm biến. Tổng kinh phí hỗ trợ không quá 100.000.000 đồng/cơ sở.

g) Sản phẩm chăn nuôi

Hỗ trợ 30% kinh phí xây dựng hoặc cải tạo kho chứa nguyên liệu và thức ăn, kho chứa dụng cụ chăn nuôi, mua máy móc và trang thiết bị phục vụ chăn nuôi, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống xử lý chất thải, dụng cụ chứa thức ăn, nước uống. Tổng kinh phí hỗ trợ không quá 200.000.000 đồng/cơ sở nuôi gà, vịt hoặc nuôi chung heo, bò, dê, gà, vịt.

h) Sản phẩm thủy sản

- Hỗ trợ 30% kinh phí cải tạo ao nuôi, mua máy móc và trang thiết bị phục vụ nuôi, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống xử lý chất thải, nhà vệ sinh tự hoại (sử dụng cho người). Tổng kinh phí hỗ trợ không quá 200.000.000 đồng/cơ sở nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh, cá tra; không quá 120.000.000 đồng/cơ sở nuôi cua biển, nuôi nghêu.

- Hỗ trợ 50% kinh phí đầu tư hệ thống quan trắc cảnh báo môi trường trong ao nuôi, 30% kinh phí đầu tư hệ thống điều khiển máy cho ăn tự động đối với nuôi tôm thâm canh mật độ cao. Tổng kinh phí hỗ trợ không quá 100.000.000 đồng/cơ sở.

4. Điều kiện hỗ trợ

a) Nằm trong kế hoạch sản xuất của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

b) Sản phẩm phải đăng ký áp dụng VietGAP theo mẫu quy định.

c) Có hợp đồng tiêu thụ hoặc phương án tiêu thụ sản phẩm.

d) Có Giấy chứng nhận VietGAP.

**Điều 6. Chính sách hỗ trợ các cơ sở tham gia Chương trình OCOP**

1. Hỗ trợ sản xuất sản phẩm OCOP

a) Nội dung và mức hỗ trợ

*Hỗ trợ 100% kinh phí thiết kế bao bì, nhãn mác sản phẩm và xây dựng câu chuyện sản phẩm nhưng không quá 10.000.000 đồng/sản phẩm.*

b) Điều kiện hỗ trợ

Cơ sở được cấp thẩm quyền quyết định công nhận sản phẩm đạt sản phẩm OCOP từ 03 sao trở lên.

2. Hỗ trợ kinh phí thuê hoặc xây dựng mới cửa hàng kinh doanh sản phẩm OCOP

a) Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí thuê hoặc xây dựng mới cửa hàng kinh doanh sản phẩm OCOP với diện tích, mức hỗ trợ theo điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy định này.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Có cửa hàng (thuê hoặc có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cửa hàng) bán sản phẩm OCOP do cơ sở tự sản xuất hoặc sản phẩm OCOP của các cơ sở khác.

- Có bảng hiệu ghi “Cửa hàng kinh doanh sản phẩm OCOP”.

- Có cam kết thời gian kinh doanh sản phẩm OCOP tối thiểu 01 (một) năm.

- Có đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn cửa hàng kinh doanh đúng quy định.

- Sau khi đầu tư xong cửa hàng và đi vào hoạt động ổn định tối thiểu 01 tháng.

- Trường hợp cửa hàng kinh doanh sản phẩm OCOP đồng thời kinh doanh các sản phẩm quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 7 của Quy định này và ngược lại thì chỉ được hưởng một chính sách hỗ trợ.

3. Hỗ trợ cơ sở có sản phẩm OCOP được nâng cao

a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Sản phẩm từ 03 sao (50-69 điểm) được nâng lên đạt 04 sao (70-89 điểm) hỗ trợ 5.000.000 đồng/sản phẩm.

- Sản phẩm từ 03 sao (50-69 điểm) được nâng lên đạt 05 sao (90-100 điểm) được nâng lên đạt 05 sao (90-100 điểm) hoặc đạt 05 sao (90-100 điểm) ngay từ lần xét duyệt đầu tiên thì được hỗ trợ 20.000.000 đồng/sản phẩm.

b) Điều kiện hỗ trợ

- Cơ sở được cấp thẩm quyền quyết định công nhận sản phẩm OCOP.

- Sản phẩm chỉ được hỗ trợ cho một lần nâng cao.

4. Hỗ trợ mua máy móc và trang thiết bị, dây chuyền sản xuất cho cơ sở ngành nghề nông thôn có sản phẩm đật OCOP

a) Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí mua máy móc và trang thiết bị, dây chuyền sản xuất cho cơ sở ngành nghề nông thôn có sản phẩm đạt OCOP. Mức hỗ trợ theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 5 của Quy định này.

b) Điều kiện hỗ trợ

Cơ sở được cấp thẩm quyền quyết định công nhận sản phẩm đạt sản phẩm OCOP từ 03 sao trở lên.

**Điều 7. Chính sách hỗ trợ sản xuất, tiêu thụ rau an toàn**

1. Hỗ trợ sản xuất rau an toàn

a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ một lần 30% kinh phí mua máy móc và trang thiết bị sản xuất, đường ống nhựa phục vụ cho việc tưới tiêu; xây dựng nhà sơ chế, đóng gói sản phẩm rau an toàn để phù hợp với yêu cầu kỹ thuật sản xuất an toàn. Tổng kinh phí hỗ trợ không quá 300.000.000 đồng/cơ sở.

- Hỗ trợ một lần kinh phí thuê kiểm soát chất lượng và dán tem: 17.000.000 đồng/1,0 ha. Nếu diện tích cao hơn hoặc thấp hơn 1,0 ha thì hỗ trợ theo tỷ lệ tương ứng. Tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 50.000.000 đồng/cơ sở.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ

- Quy mô theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5; điểm k khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

- Có dự án đầu tư phát triển rau an toàn và cam kết tiến độ triển khai dự án được Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận.

- Đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Nghị định số [15/2018/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-15-2018-nd-cp-quy-dinh-chi-tiet-luat-an-toan-thuc-pham-53506.html) ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm (sau đây gọi tắt là Nghị định số 15/2018/NĐ-CP) hoặc có Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn theo Thông tư số [17/2018/TT-BNNPTNT](https://thukyluat.vn/vb/thong-tu-17-2018-tt-bnnptnt-bao-dam-an-toan-thuc-pham-doi-voi-co-so-san-xuat-nong-san-625a0.html) ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây gọi tắt là Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT).

2. Hỗ trợ sản xuất rau an toàn trong nhà lưới, rau thủy canh

a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ một lần kinh phí đầu tư, xây dựng nhà lưới hở và hệ thống tưới phục vụ sản xuất rau an toàn 50.000 đồng/m2, nhưng không quá 50.000.000 đồng/cơ sở.

- Hỗ trợ một lần kinh phí đầu tư, xây dựng nhà lưới kín và hệ thống tưới phục vụ sản xuất rau an toàn 100.000 đồng/m2, nhưng không quá 100.000.000 đồng/cơ sở.

- Hỗ trợ một lần 30% kinh phí đầu tư, xây dựng hệ thống trồng rau thủy canh phục vụ sản xuất rau an toàn, nhưng không quá 75.000.000 đồng/cơ sở.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ

Để được hỗ trợ các cơ sở sản xuất rau an toàn trong nhà lưới, rau thủy canh phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Quy mô theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

- Các điều kiện quy định tại điểm a và điểm c khoản 4 Điều 5 của Quy định này.

- Có dự án đầu tư sản xuất rau an toàn trong nhà lưới, rau thủy canh và cam kết tiến độ triển khai dự án được Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận.

- Đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo Nghị định số [15/2018/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-15-2018-nd-cp-quy-dinh-chi-tiet-luat-an-toan-thuc-pham-53506.html) hoặc có Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản an toàn theo Thông tư số [17/2018/TT-BNNPTNT](https://thukyluat.vn/vb/thong-tu-17-2018-tt-bnnptnt-bao-dam-an-toan-thuc-pham-doi-voi-co-so-san-xuat-nong-san-625a0.html) .

- Hỗ trợ một lần kinh phí thuê kiểm soát chất lượng và dán tem: 34.000.000 đồng/1,0 ha. Nếu diện tích cao hơn hoặc thấp hơn 1,0 ha thì hỗ trợ theo tỷ lệ tương ứng. Tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 50.000.000 đồng/cơ sở.

3. Hỗ trợ kinh phí thuê hoặc xây dựng mới cửa hàng kinh doanh rau an toàn

a) Mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần kinh phí thuê hoặc xây dựng mới cửa hàng kinh doanh rau an toàn với diện tích tối thiểu 20m2/cửa hàng. Mức hỗ trợ: 50.000.000 đồng/cửa hàng.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ

Để được hỗ trợ các cơ sở phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Tự sản xuất hoặc có hợp đồng được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận trực tiếp thu mua sản phẩm ổn định với cơ sở sản xuất rau an toàn. Hoặc có hợp đồng liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc hợp đồng bao tiêu sản phẩm giữa cơ sở làm đầu mối tiêu thụ với cơ sở sản xuất rau an toàn được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

- Có hợp đồng thuê cửa hàng hoặc có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cửa hàng.

- Có bảng hiệu ghi “Cửa hàng kinh doanh sản phẩm an toàn”.

- Có cam kết thời gian kinh doanh sản phẩm an toàn tối thiểu 01 (một) năm.

- Có đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đảm bảo tiêu chuẩn cửa hàng kinh doanh đúng quy định.

- Sau khi đầu tư xong cửa hàng và đi vào hoạt động ổn định tối thiểu 01 tháng.

4. Trường hợp thuê hoặc xây dựng mới cửa hàng kinh doanh sản phẩm trồng trọt sản xuất theo quy trình VietGAP thì định mức và điều kiện hỗ trợ áp dụng theo khoản 3 Điều này cho sản phẩm trồng trọt sản xuất theo quy trình VietGAP.

**Điều 8. Chính sách hỗ trợ vườn cây ăn quả, vườn cây dừa, vườn tạp, đất trồng lúa**

1. Hỗ trợ trồng mới hoặc cải tạo vườn cây ăn quả, vườn cây dừa

a) Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần trồng mới vườn cây ăn quả, vườn cây dừa 20.000.000 đồng/1,0 ha năm đầu và 10.000.000 đồng/1,0 ha năm thứ 2. Trường hợp cải tạo vườn cây ăn quả, vườn cây dừa thì định mức hỗ trợ được tính bằng 70% mức hỗ trợ trồng mới.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ

Để được hỗ trợ các cơ sở thực hiện trồng mới hoặc cải tạo vườn cây ăn quả, vườn cây dừa phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Trồng mới hoặc cải tạo vườn cây ăn quả, vườn cây dừa phải theo danh mục quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

- Quy mô diện tích trồng mới hoặc cải tạo từ 02 ha trở lên, liền thửa hoặc không liền thửa (có thể nhiều khu vực với nhau trong cùng một ấp, khóm hoặc liên ấp, khóm trong cùng một xã trong phạm vi 50 ha) và theo điểm a khoản 4 của Điều 5 của Quy định này.

- Có dự án đầu tư trồng mới hoặc cải tạo vườn cây ăn quả, vườn cây dừa và cam kết tiến độ triên khai dự án được Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận.

2. Hỗ trợ chuyển đổi vườn tạp, đất trồng lúa

a) Nội dung và mức hỗ trợ

Chuyển đổi từ vườn tạp, đất trồng mía sang các loại cây trồng, vật nuôi, nuôi thủy sản được hỗ trợ một lần (tính theo diện tích vườn tạp, diện tích trồng mía được chuyển đổi), như sau:

- Chuyển đổi sang các loại cây trồng, vật nuôi, nuôi thủy sản theo danh mục quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

+ Vườn tạp: sang cây trồng, vật nuôi: 4.000.000 đồng/1,0 ha; sang nuôi thủy sản: 6.000.000 đồng/1,0 ha.

+ Đất trồng mía: sang cây trồng, vật nuôi: 6.000.000 đồng/1,0 ha; sang nuôi thủy sản: 10.000.000 đồng/1,0 ha.

- Chuyển đổi sang các loại cây trồng, vật nuôi, nuôi thủy sản ngoài danh mục quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này.

+ Vườn tạp: sang cây trồng, vật nuôi: 3.000.000 đồng/1,0 ha; sang nuôi thủy sản: 4.000.000 đồng/1,0 ha.

+ Đất trồng mía: sang cây trồng, vật nuôi: 4.000.000 đồng/1,0 ha; sang nuôi thủy sản: 6.000.000 đồng/1,0 ha.

b) Điều kiện hưởng hỗ trợ

- Cơ sở cần phải đáp ứng một trong những điều kiện quy định tại điểm a khoản 4 Điều 5 của Quy định này.

- Diện tích để được hỗ trợ tối thiểu từ 0,5 ha trở lên.

**Điều 9. Chính sách hỗ trợ chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả**

1. Nội dung và mức hỗ trợ

Hỗ trợ một lần kinh phí mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn, thuốc thú y cho hộ sản xuất trực tiếp chuyển đổi từ đất lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản. Mức hỗ trợ tối đa:

a) Sản xuất bắp, đậu phộng: 10.000.000 đồng/1,0 ha.

b) Sản xuất rau: 8.000.000 đồng/1,0 ha.

c) Trồng cỏ làm thức ăn chăn nuôi: 20.000.000 đồng/1,0 ha.

d) Trồng lúa kết hợp nuôi thủy sản: 10.000.000 đồng/1,0 ha.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ

a) Sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng theo điểm d khoản 1 Điều 5 và điểm a khoản 4 Điều 5 của Quy định này.

b) Phải có hợp đồng tiêu thụ sản phẩm hoặc hợp đồng bao tiêu sản phẩm được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận, ngoại trừ trồng cỏ làm thức ăn chăn nuôi.

c) Diện tích trồng cỏ để được hỗ trợ tối thiểu từ 0,5 ha trở lên.

d) Trường hợp chuyển sang trồng cây ăn quả, cây dừa áp dụng theo khoản 1 Điều 8 của Quy định này.

đ) Cùng một diện tích chỉ được hỗ trợ một lần chuyển đổi.